Quỹ ETF IPAAM VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No:20221226 /TB- FUEIP100

Hà Nội 26/12/2022
As at 26-Dec-22

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company would like to announce the information after exchange trading:

1. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100
2. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**
3. Tên CTQLQ/*Fund management Company:* Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*
4. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank/ *Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam*
5. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **23/12/2022**
6. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*
7. Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:*

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng *Quantity*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight*
1	VIC	500	3.89%
2	VPB	2,200	5.74%
3	TCB	1,200	4.70%
4	VHM	700	4.85%
5	FPT	500	5.46%
6	HPG	1,600	4.28%
7	ACB	1,500	4.86%
8	VNM	400	4.36%
9	MSN	300	4.01%
10	MBB	1,300	3.31%
11	MWG	500	3.29%
12	STB	1,000	3.31%
13	NVL	400	0.88%
14	SSB	800	3.59%
15	VCB	300	3.37%
16	DGC	100	0.85%
17	HDB	900	2.15%
18	EIB	500	1.98%
19	SAB	100	2.48%
20	TPB	400	1.26%
21	VRE	500	1.84%
22	SSI	500	1.35%
23	VJC	100	1.57%
24	MSB	900	1.60%
25	VIB	600	1.69%
26	PNJ	100	1.54%
27	CTG	400	1.56%
28	KBC	200	0.61%
29	DGW	100	0.56%
30	GAS	100	1.43%
31	VND	500	1.03%
32	LPB	700	1.31%
33	VHC	100	0.97%
34	REE	100	1.04%
35	KDH	200	0.76%
36	DXG	200	0.39%
37	GEX	300	0.58%
38	VPI	100	0.79%
39	KDC	100	0.88%
40	BVH	100	0.68%
41	PDR	100	0.18%
42	OCB	200	0.45%
43	DPM	100	0.62%
44	GMD	100	0.65%
45	HDG	100	0.44%
46	DIG	200	0.46%
47	PLX	100	0.43%
48	NLG	100	0.43%
49	VCI	200	0.73%
50	PC1	100	0.29%
51	BID	100	0.55%
52	DBC	100	0.20%

53	HPX	100	0.08%
54	POW	300	0.45%
55	HCM	100	0.31%
56	GVR	100	0.21%
57	PAN	100	0.22%
58	VCG	100	0.23%
59	NKG	100	0.19%
60	CII	100	0.19%
61	HBC	100	0.13%
62	PVT	100	0.30%
63	SBT	100	0.21%
64	HSG	200	0.36%
65	PVD	100	0.25%
66	TCH	200	0.20%
67	SAM	200	0.17%
68	SCR	100	0.08%
69	ITA	300	0.18%
70	SHB	1,000	1.49%

8. Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities*) 717,375,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per ETF creation unit* : (VND) 727,291,589
- Giá trị chênh lệch/*Cash component* : (VND) 9,916,589

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the difference:*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*For Creation Order*
Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/*For Redemption Order*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

9. Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ *In case, component securities can be replaced by cash (if any)*

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	*Substitution cash per share (VND)*	*Applied to*	*Reason*
1	ACB	22,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	39,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of
3	FPT	77,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	46,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	46,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	109,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	73,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	27,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	22,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	14,550	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

10. Các chỉ tiêu khác/ *Other citeria*

Chỉ tiêu/ Citerias	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ This period (**)	Chênh lệch/ Changes
	23/12/2022	22/12/2022	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creations Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Sha	5,700,000	5,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	7,300	7,310	(10)
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset value			
Của quỹ ETF/ *of the fund*	41,240,312,744	41,455,620,622	(215,307,878)
Của 1 lô ETF/ *per creation unit*	723,514,258	727,291,589	(3,777,331)
Của một chứng chỉ quỹ/ *per share*	7,235.14	7,272.91	(37.77)
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	984.09	988.70	(4.61)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/12/2022
Item 5 is asset value calculated as at 22-Dec-22
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 21/12/2022
Item 5 is asset value calculated as at 21-Dec-22
Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: https://ipaam.com.vn/vi/home/
This information was dixclose on Company/Funds Portal at: https://ipaam.com.vn/vi/home/

Đại diện tổ chức/*Organization Representative*
Người được ủy quyền công bố thông tin/*Persons Authorized to Disclose Information*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ *(Signature, full name and seal - if any)*

M.S.D.N: 0102703178 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A

Digitally signed by CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hai Bà Trưng, CN=CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102703178
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.12.26 10:49:12+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0